

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG VÀ HÀI HÒA NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CHỦ YẾU HIỆN NAY

LƯƠNG ĐÌNH HẢI*

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, các cuộc thảo luận của Câu lạc bộ Rôma đã đưa đến sự xuất hiện trên diễn đàn lý luận các tư tưởng về phát triển bền vững. Năm 1972, trong Tuyên ngôn của Hội nghị Liên hợp quốc lần thứ nhất về môi trường tại Xtốckhôm (Thụy Điển), mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đã chính thức được đề cập trong một văn bản của tổ chức quốc tế lớn nhất và có uy tín nhất trên thế giới. Báo cáo *Những giới hạn của tăng trưởng* đã khái quát sự quá độ từ tăng trưởng theo chiều rộng sang trạng thái cân bằng động trên quy mô toàn cầu; từ tăng trưởng về lượng sang tăng trưởng về chất (có giới hạn), xác lập trật tự kinh tế thế giới mới. Tiếp theo, vào khoảng giữa những năm 1970, Chương trình môi trường của Liên hợp quốc đã sử dụng thêm những khái niệm mới: phát triển không phá hủy (development without destruction), phát triển sinh thái (ecodevelopment) với nội dung cơ bản là phát triển nhưng không phá vỡ cân bằng sinh thái, phát triển một cách thích hợp với môi trường, giảm nhẹ tác động xấu vào môi trường tự nhiên xung quanh.

Tháng 3 năm 1980, Liên đoàn quốc tế bảo vệ tự nhiên và các nguồn lực thiên nhiên, dưới sự bảo trợ của Chương trình Liên hợp quốc về môi trường và Quỹ toàn cầu về bảo vệ thiên nhiên hoang dã đã đưa ra báo cáo *Chiến lược toàn cầu bảo vệ tự nhiên*; trong đó, nhấn mạnh rằng, để phát triển xã hội bền vững phải chú ý cả khía cạnh kinh tế, tăng trưởng lẫn các yếu tố xã hội và sinh thái, phải quản lý việc con người sử dụng sinh quyển, hệ sinh thái, các loài tạo nên

* PGS.TSKH. Viện Triết học.

hệ sinh quyển để chúng có thể mang lại lợi ích bền vững cho các thế hệ hiện nay và giữ gìn tiềm năng phát triển cho các thế hệ tương lai.

Trong những năm 1980, các vấn đề sinh thái và phát triển được thảo luận ngày càng rộng rãi ở nhiều nước, ngoài Câu lạc bộ Rôma còn có Viện nghiên cứu World-watch (nhiệm vụ toàn thế giới). Năm 1983, ủy ban quốc tế về môi trường và phát triển đã chuẩn bị một bản báo cáo được Liên hợp quốc công bố năm 1987, trong đó thuật ngữ “phát triển bền vững” (Sustainable development) được chính thức sử dụng rộng rãi với nghĩa là sự phát triển lâu dài, bền vững, được giữ gìn, củng cố, duy trì, được bảo vệ. Hội nghị về Môi trường và phát triển của Liên hợp quốc năm 1992, đã đánh giá nguy cơ tiềm ẩn của con đường phát triển truyền thống mà nhân loại đang đi và thông qua quyết định có tính lịch sử, thay đổi quan niệm về đường hướng phát triển của cộng đồng thế giới do nhận thức được tình trạng sinh thái toàn cầu đang ngày càng xấu đi một cách nghiêm trọng.

Khẳng định và vạch rõ tính tất yếu của việc chuyển sang con đường phát triển mới, khác với con đường truyền thống, nhằm duy trì, bảo tồn, tự giữ gìn và tiếp tục phát triển của nhân loại, đảm bảo “tương lai chung của chúng ta”, Hội nghị đã nhấn mạnh: phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn được nhu cầu của hiện tại nhưng không đe dọa khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau. Điều đó cũng có nghĩa rằng, để phát triển bền vững, cần và tất yếu phải tuân thủ nguyên tắc công bằng và bình đẳng giữa các thế hệ. Nếu không như vậy, nhân loại sẽ phải đối mặt với những mâu thuẫn ngày càng thêm căng thẳng giữa những nhu cầu đang tăng lên của chính mình với tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên và đòi hỏi không được phá vỡ sinh thái.

Tính tất yếu của việc chuyển sang phát triển bền vững của nhân loại hiện nay còn bắt nguồn từ chính nhu cầu phải giải quyết các vấn đề chung, toàn cầu đang ngày càng bức thiết và có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ đời sống xã hội của mỗi quốc gia, cũng như của cộng đồng quốc tế. Trên thực tế, những vấn đề toàn cầu có liên quan chặt chẽ với nhau và đều chứa đựng những nguy cơ thực sự về những thảm họa sinh thái khác nhau đối với nền văn minh Trái Đất. Chính vì vậy, việc chuyển sang con đường phát triển mới - phát triển bền vững cũng là con đường để giải quyết những vấn đề toàn cầu đang đặt ra trước nhân loại.

Việc chuyển hướng phát triển từ con đường truyền thống, phát triển không bền vững sang con đường phi truyền thống, phát triển bền vững xuất phát từ yêu cầu và tính tất yếu khách quan của thời đại. Có thể nói, việc lựa chọn con đường mới đó có ảnh hưởng đặc biệt lớn, thậm chí có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển trong tương lai của mỗi quốc gia, khu vực, bởi chính nó sẽ là một trong những yếu tố quy định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các định hướng ưu tiên của sự phát triển, cũng như khả năng, triển vọng và sự thành bại của các nước và các khu vực nói chung. Hơn thế nữa, con đường phát triển bền

vững cũng sẽ quyết định thái độ, lập trường và sự hợp tác của cộng đồng nhân loại trong nỗ lực phấn đấu vì sự tồn tại và phát triển của chính nền văn minh trên Trái Đất cũng như của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia.

Trong khoảng 10 năm, từ Hội nghị về môi trường và phát triển ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 đến Hội nghị Giøhansenberg (Nam Phi) năm 2002, nội dung của khái niệm “phát triển bền vững”, các yêu cầu và mô hình của nền “văn minh bền vững” của tương lai đã có những thay đổi khá căn bản. Ngay sau khi quan niệm phát triển bền vững được chính thức thừa nhận tại Hội nghị Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992, nó đã lập tức bị phê phán không chỉ ở sự chưa rõ ràng đến mức cần thiết, mà cả ở lối tư duy cũ: trong quan hệ với sinh thái, con người vẫn là trung tâm. Phát triển bền vững không thể dựa trên khuôn mẫu tư duy cũ, các quan niệm và giá trị cũ. Nó đòi hỏi phải có tư duy mới, cách tiếp cận khoa học mới, tổng thể, toàn diện, sâu rộng, có tầm nhìn xa hơn, nghĩa là cần có một thế giới quan triết học mới.

Nhiều học giả đã khẳng định rằng, trong quan niệm về phát triển bền vững tất yếu phải có quan điểm con người làm trung tâm (quan điểm nhân học): lấy sự tồn tại của con người (quốc gia - dân tộc - nhân loại) và sự phát triển liên tục, lâu dài, bền vững, ổn định tương đối của cả thế hệ hiện nay lẫn các thế hệ mai sau làm mục tiêu. Nhưng mặt khác, họ cũng thừa nhận là, nếu chỉ có riêng quan điểm đó thì vẫn chưa đủ, chưa toàn diện, chưa mang tính tổng thể. Quan điểm lấy sinh thái làm trung tâm là một bổ sung tất yếu: lấy việc giữ gìn, bảo vệ sinh thái, sự bền vững và tiến hóa của nó với tính cách cơ sở tự nhiên của toàn bộ nền văn minh của con người làm mục tiêu chính, để sự phát triển tiếp theo không rơi vào thảm họa sinh thái. Nói tóm lại, phát triển bền vững phải là sự đồng tiến hóa của tự nhiên và xã hội dưới hình thức chính thể tự nhiên - xã hội; trong đó, những tiến bộ xã hội trong mỗi bước đi không gây tác hại cho sinh thái, là cơ sở bảo tồn cho cả sinh thái lẫn nhân loại.

Nhưng để bảo tồn sinh thái, tất yếu không được đối xử với nó như đã làm trong mô hình phát triển không bền vững trước đây. Tự nhiên không chỉ là nơi cung cấp nhiều nguồn lực cần thiết, mà còn là nền tảng, cơ sở, điều kiện của sự sống con người, là điều kiện tất yếu của hệ thống xã hội và của toàn bộ nền văn minh. Tăng trưởng không giới hạn trong một môi trường có hạn và không tái tạo được là điều không thể có được. Các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng, ngoài một số nước phát triển cao của thế giới, tất cả các quốc gia, khu vực còn lại không thể đạt tới mức độ giàu có vật chất như các nước phát triển cao hiện nay nếu vẫn đi theo mô hình phát triển không bền vững. Để cho toàn bộ dân cư trên thế giới có thể có được mức sống cao như ở các nước phát triển hiện nay, loài người phải tăng khối lượng sử dụng tài nguyên lên ít nhất khoảng 40 lần, và nếu dân số tăng lên gấp đôi (khoảng giữa thế kỷ XXI) thì khối lượng tài nguyên cần sử dụng phải tăng ít nhất là khoảng 100 lần. Nếu như vậy, mức độ tàn phá hành tinh sẽ khủng khiếp gấp bội lần, thảm họa sinh thái sẽ hủy diệt nhân loại và nền văn minh.

Hợp lực tổng thể của sự tác động của con người lên sinh thái bị quy định bởi các yếu tố: dân số, mức độ tiêu dùng tính theo đầu người và tác hại công nghệ trên một đơn vị sản phẩm. Hợp lực tổng thể đó có giới hạn là dung lượng kinh tế của giới tự nhiên, của sinh thái nói chung. Giới hạn này được gọi là giới hạn sinh thái mà nhân loại không được phép vượt qua nếu không muốn tự hủy diệt chính bản thân mình. Trên nguyên tắc, điều đó là đúng; do vậy, muốn giảm bớt tác động nhân chủng lên sinh thái để có thể phát triển bền vững, con người phải giảm bớt mức tăng dân số, mức độ tiêu dùng và tác hại công nghệ. Đó chính là giới hạn của tăng trưởng.

Khi khảo sát giới hạn của tăng trưởng từ góc độ khoa học - công nghệ, một số nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò của khoa học, công nghệ trong việc mở rộng giới hạn của tăng trưởng. Họ cho rằng, với sự phát triển của khoa học và công nghệ, bằng việc nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên, giảm mức tiêu dùng tài nguyên, vẫn có thể nâng cao mức sống của các nước đang phát triển và giữ được mức sống cao ở các nước phát triển. Tuy nhiên, sự phát triển của khoa học và công nghệ cũng có những giới hạn nhất định, hiệu suất sử dụng tài nguyên cũng không thể nâng đến vô tận. Bởi vậy, ngoài việc tính đến giới hạn tăng trưởng mới, sự phát triển bền vững tất yếu phải được bổ sung thêm những khía cạnh, nội dung khác.

Cho đến nay, trong kho tàng tri thức lý luận của thế giới, chưa có một mô hình lý luận nào về một nền kinh tế hoàn toàn tương thích với sinh quyển dựa trên những cơ sở khoa học vững chắc. Thậm chí, có ý kiến cho rằng, một mô hình kinh tế như vậy là điều không tưởng, bởi nhu cầu của con người ngày càng đa dạng và tăng lên không ngừng. Việc giải quyết mâu thuẫn căn bản giữa hai khía cạnh: nhân loại (kinh tế - xã hội) và sinh thái nhằm tạo dựng mô hình phát triển bền vững, trong đó đời sống kinh tế nói riêng, đời sống xã hội nói chung của nhân loại tương thích với sinh thái, được sinh thái hóa và khác với đời sống xã hội trong nền sản xuất của nhiều thế kỷ trước, là một nhiệm vụ rất quan trọng của thế kỷ XXI. Những cuộc khủng hoảng ngày càng nhiều trong thế kỷ XX, cả về phương diện sinh thái lẫn xã hội cho thấy, trong thế kỷ XXI, nhân loại phải có những đột phá thực sự hướng đến phát triển bền vững. Do vậy, việc hoàn thiện quan niệm phát triển bền vững đang trở thành nhiệm vụ của tất cả các quốc gia và cộng đồng thế giới.

Một hướng nghiên cứu khác nhằm xây dựng mô hình phát triển bền vững cho nhân loại là xây dựng các mô hình về cơ chế xã hội cho phát triển bền vững. Việc tìm kiếm các mô hình về cơ chế xã hội đã được triển khai từ các hướng khác nhau, nhưng chủ yếu nhằm vào nhà nước, xã hội công dân và thị trường. Đó là ba yếu tố căn bản và là một trong những đặc điểm nổi bật của những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX và một vài thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thay vì chỉ nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế, người ta đã chú ý nhiều hơn đến sự phát triển đồng bộ của tất cả các lĩnh vực, yếu tố, bộ phận cấu thành đời sống xã hội, từ kinh tế đến chính trị, văn

hoá, xã hội, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng... Đây chính là một trong những nội dung căn bản của phát triển xã hội bền vững, còn được gọi là phát triển hài hòa.

Ngược dòng lịch sử, chúng ta thấy rằng, đã có thời kỳ chủ nghĩa tự do kinh tế quan niệm thị trường sẽ tự nó hoàn thiện. Khi đó, do sức sản xuất mới chỉ phát triển ở mức độ vừa phải nên quan hệ giữa thị trường và việc “hoàn thiện” thị trường với sinh thái chưa được bộc lộ rõ. Chủ nghĩa tự do kinh tế cũng chưa đề cập đến mối quan hệ ấy. Lý thuyết cổ điển mới tiếp tục phát triển tư tưởng trên của chủ nghĩa tự do kinh tế và cho rằng, bằng việc mở rộng cạnh tranh tự do, thị trường tự nó hướng tới sự cân bằng và bền vững, hướng tới sự hợp lý trong quan hệ giữa hao phí sản xuất và lợi ích của con người. Quan điểm này còn dựa trên giả định rằng, tài nguyên thiên nhiên là tặng vật vô hạn của giới tự nhiên ban cho con người, các tài nguyên thiếu hụt luôn có khả năng được bù đắp hoặc thay thế. Các chi phí về môi trường, xã hội chỉ là hiệu ứng phụ và có thể bỏ qua; việc phân bổ các nguồn lực sẽ được thị trường tự động điều chỉnh một cách cân đối, thích hợp.

Thực tiễn vận động của thị trường sau đó đã bác bỏ quan niệm này. Thị trường càng phát triển, đặc biệt là thị trường hiện đại, càng bộc lộ sự mất cân bằng và không bền vững; các chi phí về sinh thái và xã hội không còn là những hiệu ứng phụ mà đang trở thành yếu tố quan trọng, đóng vai trò là “những yếu tố chính”, quyết định đối với sự tồn tại của con người. Thị trường đúng là nhân tố đặc biệt của tăng trưởng, đồng thời là một tác nhân của tính không bền vững trong đời sống kinh tế - xã hội và cả trong hệ thống con người - xã hội - tự nhiên. Điều này thể hiện đặc biệt rõ trong nửa cuối thế kỷ XX. Một số nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng, thị trường không có khả năng tính đến các chi phí xã hội và sinh thái một cách có ý thức trong tăng trưởng kinh tế. Nhiều khi, những chi phí ấy không tất yếu, không được biết, không tham gia vào các sản phẩm của sản xuất. Thị trường cũng không thể thỏa mãn được các nhu cầu của con người và xã hội, không thể tính toán được những mục tiêu và lợi ích dài hạn của họ.

Do vậy, nếu không có biện pháp ngăn chặn những đe dọa, bất ổn về kinh tế, xã hội và môi trường, nếu giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước vào thị trường thì nhân loại tất yếu bước dần đến chỗ diệt vong. Không thể để thị trường quy định sự phát triển xã hội và quan hệ con người - xã hội - tự nhiên. Các khuyết tật cố hữu của thị trường cần được khắc phục triệt để. Muốn phát triển bền vững, xã hội cần và tất yếu phải điều chỉnh, định hướng hoạt động của thị trường bằng các tiêu chuẩn xác định (luật pháp, thuế, chính sách vĩ mô) nhằm ngăn chặn mặt tiêu cực của thị trường cả trong đời sống xã hội lẫn trong quan hệ với giới tự nhiên, sinh thái; hướng sức mạnh của nó vào mục tiêu xây dựng và phát triển bền vững. Việc điều chỉnh và định hướng thị trường ngày nay không thể chỉ được thực hiện ở cấp độ quốc gia - dân tộc, bởi từ nửa sau thế kỷ XX, đặc biệt từ những năm

1980, các công ty xuyên quốc gia hình thành ngày càng nhiều, có sức mạnh kinh tế ngày càng lớn đã và đang tìm cách thoát ra khỏi sự kiểm soát của các chính phủ trong việc quản lý thị trường nội địa. Do vậy, đã nảy sinh vấn đề điều chỉnh và định hướng thị trường trên quy mô thế giới bằng những chuẩn mực mới, chặt chẽ hơn. Thực tiễn đã cho thấy tính hiệu quả của kinh tế thị trường có sự điều chỉnh và định hướng, xét cả từ góc độ kinh tế, xã hội lẫn góc độ hiệu suất sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Đây là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, được thể hiện rõ nét trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong một vài thập kỷ vừa qua.

Vấn đề thị trường chỉ là một trong những nội dung cơ bản của khía cạnh xã hội trong quan niệm phát triển bền vững. Nếu trong quá khứ, người ta còn ít bàn đến quan hệ xã hội - sinh thái thì trái lại, hiện nay, vấn đề quan hệ giữa các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, như kinh tế, chính trị, văn hóa, đạo đức, tư tưởng... đang rất được quan tâm. Thực ra, từ nhiều thế kỷ trước, nhân loại đã có những cố gắng nhất định để tìm hiểu, lý giải mối quan hệ giữa các yếu tố, bộ phận trong đời sống xã hội nhằm phát triển xã hội một cách hài hòa, bền vững. Mặc dù vậy, chỉ đến khi chủ nghĩa Mác ra đời, những chuyển biến căn bản, sâu sắc, khoa học trong cách nhìn nhận, trong quan niệm về sự phát triển hài hòa, đồng bộ giữa các yếu tố, bộ phận, lĩnh vực xã hội mới thật sự diễn ra.

Bắt đầu từ giữa thế kỷ XX, trong đời sống xã hội, bộ ba yếu tố: nhà nước, xã hội công dân, thị trường trở thành ba yếu tố đặc biệt quan trọng và mối quan hệ giữa chúng là một trong những đặc điểm nổi bật của đời sống xã hội. Nhiều học giả hiện nay đã chứng minh rằng, đó là ba trụ cột của xã hội hiện đại. Sự phát triển và quan hệ tương đồng của chúng chi phối đời sống xã hội hiện đại ở mức độ khác nhau, đồng thời được xem là sự đảm bảo cho xã hội phát triển ổn định, bền vững và hài hòa. Nhiệm vụ chủ yếu và nghệ thuật lãnh đạo của các chính phủ cũng như vai trò của các tổ chức quốc tế là đảm bảo cho sự phát triển đồng bộ, tương thích, hài hòa của ba trụ cột chính ấy.

Bắt đầu từ thập niên 70 của thế kỷ XX và đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, người ta ngày càng nhận thấy rằng, còn có một trụ cột thứ tư rất quan trọng. Theo nhận định của nhiều học giả, nếu thiếu trụ cột này, cho dù ba trụ cột trên có phát triển đồng bộ chẳng nữa thì xã hội vẫn không thể phát triển bền vững và hài hòa, không thể tiến đến nền văn minh mới - trí tuệ quyền. Trụ cột thứ tư đó là giới tự nhiên, là sinh thái. Nó vừa là giới hạn, vừa là điều kiện cho sự vận động và phát triển, tương tác lẫn nhau của ba trụ cột còn lại. Trong mối quan hệ bền chặt, chế định lẫn nhau, cỗ xe tứ mã, trên con đường đưa nhân loại đi vào tương lai, buộc những hành khách trên đó phải tuân thủ những định hướng, nguyên tắc, chuẩn mực, quy chế chặt chẽ của chuyến hành trình.

So với hai thế kỷ trước đây, trong thế kỷ XX, dân số các nước phương Tây tăng 10 lần, nhưng mức độ sử dụng tài nguyên bình quân đầu người tăng 100 lần và sự gia tăng tổng hợp của sản xuất và tiêu dùng là 1000 lần. Trong thế kỷ

XX, các nước châu Á lại “bùng nổ” dân số, sản xuất công nghiệp của thế giới nói chung tăng 50 lần, quy mô tiêu dùng tăng 10 lần. Cùng với sự gia tăng dân số, sản xuất và tiêu dùng thì khối lượng các chất thải (công nghiệp, sinh hoạt) cũng gia tăng theo tỉ lệ thuận. Những tác động của các yếu tố đó đối với tự nhiên đã bắt đầu vượt qua ngưỡng giới hạn cho phép. Có thể nói, sự vi phạm cơ chế tự nhiên của sự điều tiết sinh thái cũng như các quy luật khác của giới tự nhiên trên phạm vi rộng tất yếu kéo theo những thảm họa khôn lường. Với các nước nghèo hoặc đang phát triển, vấn đề lại càng trở nên căng thẳng hơn. Châu Á là khu vực tập trung hơn một nửa dân số thế giới, không chỉ chịu ảnh hưởng của hậu quả sinh thái do sự phát triển công nghiệp ở châu Âu từ những thời kỳ lịch sử trước đây và sự bất bình đẳng hiện nay, mà còn trực tiếp gây ra những vấn đề môi trường nghiêm trọng do theo đuổi mục tiêu phát triển kinh tế. Quá trình công nghiệp hoá của châu Á trong suốt nửa sau thế kỷ XX diễn ra với tốc độ nhanh nhất thế giới với mong muốn nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn, sớm có được mức sống cao như ở nhiều nước châu Âu. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, hiện nay, trong số 15 thành phố bản nhất thế giới thì châu Á có đến 13. Những tai họa thiên nhiên khủng khiếp, những loại dịch bệnh trên người và gia súc trong khoảng một thập kỷ gần đây, như thảm họa sóng thần ở Nam Á, động đất ở Nhật Bản, Iran, Pakistan, dịch SARS, cúm gà H₅N₁... đã cảnh tỉnh châu Á mạnh mẽ nhất.

Trong bối cảnh ấy, theo chúng tôi, có một vấn đề mới được đặt ra cho quan niệm phát triển xã hội bền vững và hài hoà. Nhiệm vụ cấp thiết hiện nay không phải chỉ là giữ gìn và bảo vệ sinh thái, mặc dù điều đó rất quan trọng. Trong quá trình phát triển, hiện đại hoá trước đây, nhân loại chỉ tập trung chú ý quản lý sản xuất và xã hội sao cho có hiệu quả để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội cao, mà ít quan tâm đến việc quản lý, bảo vệ, giữ gìn sinh thái, càng không có ý tưởng cải thiện, làm cho sinh thái tốt hơn. Thậm chí, đã có lúc nhân loại nhầm tưởng rằng, để tăng trưởng kinh tế, hiện đại hoá xã hội, tất yếu phải “hy sinh” môi trường sinh thái. Thực tiễn đời sống xã hội hiện nay cho thấy, nếu chỉ kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái thì chưa đủ để phát triển xã hội bền vững và hài hoà.

Vấn đề cấp thiết, cực kỳ quan trọng và tất yếu hiện nay còn là *cải thiện* môi trường sinh thái (cả từ khía cạnh quan hệ với tự nhiên và với xã hội) theo nghĩa khắc phục những vấn đề môi trường đã nảy sinh trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá trước đây, làm cho môi trường sống sạch hơn, tốt hơn, được quản lý chặt chẽ và hữu ích hơn đối với con người, tạo nên mối quan hệ hoà hợp giữa con người với môi trường xung quanh. Bởi vậy, nội dung của quan niệm phát triển xã hội bền vững và hài hoà giờ đây trở nên rộng hơn, phong phú hơn: *tăng trưởng kinh tế, hiện đại hoá hay phát triển xã hội gắn liền với việc giữ gìn, bảo vệ và cải thiện (làm tốt hơn) môi trường xung quanh.*

Tăng trưởng kinh tế, hiện đại hoá xã hội gắn liền với việc bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trong mỗi bước phát triển tất yếu phải trở thành nguyên tắc chủ đạo của đời sống xã hội ở mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi quốc tế. Tuy nhiên, điều đó hiện đang đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong ý thức của toàn thể cộng đồng và của mỗi thành viên, xây dựng tư duy mới và thế giới quan mới - thế giới quan trí tuệ quyền. Chưa có được những cái đó thì cũng chưa thể có hệ thống các nguyên tắc, chuẩn mực, định hướng, các giá trị và cách ứng xử mới của con người với môi trường xung quanh và do vậy, cũng chưa có cơ sở vững chắc để phát triển xã hội một cách bền vững, hài hoà.

Gần đây, từ góc độ khác, một số tác giả đã xem xét quan hệ con người – xã hội – sinh thái từ ba yếu tố trụ cột khác chứ không phải là 4 yếu tố như trên. Đó là các yếu tố: kinh tế (thị trường, tăng trưởng, công nghiệp hoá...) – xã hội (nhà nước, xã hội công dân, ý thức cộng đồng, hệ thống các giá trị...) – môi trường. Góc độ xem xét này có những yếu tố hợp lý của nó, đặc biệt ở sự phân loại các bộ phận cấu thành nên 3 yếu tố trụ cột nói trên. Điều này cho phép nhìn nhận, đánh giá, phân tích các nhóm bộ phận chính xác hơn, nhất quán và dễ dàng hơn. Chẳng hạn, nếu tách thị trường ra khỏi sự tăng trưởng và công nghiệp hoá để xem xét quan hệ thị trường với sinh thái là không khách quan, mà sẽ rơi vào phiến diện, không thấy được các mối quan hệ tổng thể rộng lớn hơn của sự phát triển kinh tế nói chung với môi trường xung quanh, trong đó có cả môi trường xã hội.

Nếu xem xét ba yếu tố trụ cột là kinh tế, xã hội và sinh thái thì có thể thấy rằng, thời kỳ tách rời kinh tế khỏi xã hội và sinh thái và chỉ chú trọng đến kinh tế đang được nhân loại vượt qua. Xu hướng khá nổi trội hiện nay là hướng nhiều hơn đến những vấn đề xã hội và sinh thái trong các quan hệ tổng thể của 3 yếu tố đó. Điều này được thể hiện qua các chỉ số phát triển mà các nhà nghiên cứu đề xuất trong những thập kỷ gần đây để đánh giá sự tiến bộ, phát triển của các quốc gia. Chỉ số phát triển người (HDI) là một thí dụ điển hình. Mặc dầu còn những thiếu hụt nhất định, song HDI được coi là một chỉ số toàn diện hơn, đầy đủ hơn, so với các chỉ số GDP, GNP vốn thiên về kinh tế. Tuy nhiên, cũng có thể thấy, chưa có một chỉ số nào đánh giá mức độ tiến bộ kinh tế và xã hội bao chứa trong nó những tiêu chuẩn sinh thái. Định hướng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để đưa ra những chỉ số phát triển đầy đủ và toàn diện về kinh tế, xã hội và sinh thái nhằm xác định chất lượng phát triển (phát triển bền vững, hài hoà đến mức độ nào) đời sống xã hội của nhân loại trong những năm sắp tới là vấn đề rất quan trọng.

Xem xét ba yếu tố trụ cột này từ góc độ giá trị có thể thấy những nét khác biệt rất căn bản giữa con đường phát triển bền vững, hài hoà và phát triển không bền vững. Trước đây, trong phát triển không bền vững, người ta lầm tưởng rằng, tài nguyên thiên nhiên là vô tận, sản xuất và tiêu dùng có thể phát triển tùy theo nhu cầu con người, khoa học và công nghệ có thể giải quyết được tất cả những vấn đề đặt ra trên mỗi bước phát triển của con người

và xã hội, kể cả các vấn đề chất thải, gia tăng dân số hoặc sinh thái... Trái lại, trong phát triển bền vững và hài hoà, tài nguyên được xem là có hạn, sản xuất và tiêu dùng phải tiết kiệm tài nguyên, không thể phát triển bên ngoài giới hạn mà sinh thái tạo ra; khoa học và công nghệ cũng có những giới hạn xác định và không phải lúc nào, ở bất cứ đâu chúng cũng có thể ngay lập tức và tự động giải quyết được mọi vấn đề của nhân loại. Những vấn đề về ô nhiễm, bùng nổ dân số, về sinh thái nói chung là những nguy cơ có thể tiêu diệt toàn bộ sự sống trên hành tinh. Và như vậy, về nguyên tắc, quan điểm phát triển bền vững và hài hoà thừa nhận tăng trưởng và phát triển kinh tế nói chung có những giới hạn xác định, còn quan điểm phát triển không bền vững không thừa nhận giới hạn của tăng trưởng.

Trong phát triển không bền vững, lợi ích, cạnh tranh, thị trường, tính hiệu quả của hoạt động kinh tế là những yếu tố chi phối mang tính quyết định mọi hoạt động của cá nhân và xã hội. Bởi vậy, đời sống và hoạt động của xã hội thiên về hiện tại hơn là tương lai, ít chú ý đến tương lai của các thế hệ kế tiếp. Quan niệm phát triển bền vững và hài hoà lại chú trọng hơn đến tính công bằng giữa các thế hệ, xem trọng sự hợp tác, định hướng thị trường, chú trọng nhiều đến sinh thái, tạo lập sự cân bằng và hài hoà giữa tự nhiên và xã hội (coi bảo vệ và cải thiện sinh thái quan trọng hơn tăng trưởng kinh tế), không lấy sự thống trị của xã hội với tự nhiên làm mục tiêu phát triển mà chú trọng sự hài hoà giữa xã hội và tự nhiên; quan hệ vụ lợi đối với sinh thái bị vượt qua, thay vào đó là quan hệ đồng tiến hoá, là sự phát triển hài hoà, ổn định, bền vững của cả ba yếu tố trong vũ trụ: con người, xã hội và tự nhiên.

Việc chuyển hướng phát triển từ không bền vững sang phát triển bền vững và hài hoà được đánh giá là một trong những bước chuyển rất căn bản, quan trọng của lịch sử phát triển xã hội loài người, làm thay đổi phương thức phát triển và tồn tại của nhân loại. Tuy nhiên, bước chuyển đó mới chỉ bắt đầu ở những điểm đơn lẻ và sự định hình chưa rõ nét hoàn toàn. Hiện nay, một số học giả cho rằng, bản thân thuật ngữ phát triển bền vững không phản ánh hết được những nội dung phong phú của sự chuyển biến đang bắt đầu diễn ra hướng đến vượt bỏ hình thức phát triển không bền vững. Mặc dù có những luận giải và luận chứng khá xác đáng, song thay thế thuật ngữ đó bằng thuật ngữ nào khác thì chính họ cũng chưa đưa ra được. Gần đây, đã xuất hiện ý kiến đề nghị sử dụng thuật ngữ phát triển hài hoà. Tuy vậy, đa số các nước trên thế giới vẫn sử dụng thuật ngữ phát triển bền vững⁽¹⁾.

Dù trong tương lai, nhân loại có sử dụng thuật ngữ khác chăng nữa thì, theo chúng tôi, quan niệm về ba yếu tố trụ cột: kinh tế – xã hội – sinh thái vẫn là quan điểm chủ đạo, tương thích với sự phát triển của tổng thể hệ thống con người – xã hội – sinh thái, đảm bảo sự phát triển của tất cả các yếu tố riêng biệt trong sự hài hoà với các yếu tố khác và với cả hệ thống. Quan điểm đó bao chứa trong nội dung của mình những yếu tố của các quan điểm khác đã nói ở trên,

cho phép khắc phục những thiếu sót hoặc tính chất phiến diện, một chiều của những quan điểm khác đã tồn tại trước đây về quan hệ con người – xã hội – sinh thái(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Triết học*, số 2/2007.

1. GS.TSKH. I.K.Lixiev, PGS.TSKH. Lương Đình Hải, đề tài hợp tác Việt - Nga: *Hiện đại hóa xã hội và sinh thái*.